

THE CHARACTERISTIC TO USE THE POETRY LANGUAGE IN THE WEST OF HIGHLAND

Truong Thong Tuan

The language of the poetry in the west of highland has three basic characteristics: many images, many musical tune and a lot of drama, which makes the poetry in the west of highland become special valuable. This is the language that its form of manifestation is the closest combination of the song and the word, as well as performing action. It means the singing and telling activity. According to the methods and the ways of manifesting, it is the language that is rich in images and pictures with many special “tu tu” methods. This becomes a harmonious beauty about phonetics, meanings, grammar and the form of arrangement...

Poetry's language is, in fact, a language that is very close to people's everyday conversation. Furthermore, it is the poetical language of music and play. The value of the language's form is joined to the content to create the lasting poetry in the west of highland. This makes the readers and the listeners be keen on the real and unreal world where there are plenty of wishes and desire of the peoples in the west of highland in the ancient period.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG NGÔN NGỮ SỬ THI TÂY NGUYÊN

TÓM TẮT

Ngôn ngữ sử thi Tây Nguyên có ba đặc điểm cơ bản: giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu và giàu tính kịch đã làm nên giá trị rất riêng cho ngôn ngữ sử thi Tây Nguyên. Đây là ngôn ngữ mà hình thức biểu hiện của nó là sự kết hợp chặt chẽ giữa lời hát, lời nói và hành động biểu diễn, tức là hoạt động hát kể. Còn nếu xét về phương thức biểu hiện thì đây là một thứ ngôn ngữ giàu hình ảnh, hình tượng với nhiều biện pháp tu từ khá là đặc biệt, tạo nên một vẻ đẹp của sự cân xứng, hài hòa về ngữ âm, về ý nghĩa về ngữ pháp và về hình thức bố cục... Ngôn ngữ sử thi thực chất là ngôn ngữ rất gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày trong cuộc sống của mọi người, nhưng cũng là thứ ngôn ngữ mang tính chất của thơ ca, của nhạc và của kịch. Những giá trị về mặt hình thức ngôn ngữ được lồng với những giá trị về nội dung làm cho sử thi Tây Nguyên có sức trường tồn khiến người nghe, người đọc luôn luôn say sưa trong thế giới vừa thực vừa ảo, tràn đầy những mơ ước và khát vọng của các dân tộc Tây Nguyên thời kỳ cổ xưa.

ĐẶC ĐIỂM SỬ DỤNG NGÔN NGỮ SỬ THI TÂY NGUYÊN

KHÁI QUÁT

Tây Nguyên, một khu vực rộng lớn nằm ở phía tây Tổ quốc là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc anh em, ở đây đã có một nền văn hóa lâu đời, trong đó có sử thi, một thể loại văn học phát triển khá mạnh mẽ. Những tác phẩm sử thi được xem là những áng văn chương dân gian đặc sắc phản ánh cuộc sống lao động và chiến đấu của các dân tộc Tây Nguyên trong buổi bình minh lịch sử. Mỗi dân tộc có tên gọi riêng để chỉ cho loại thể sử thi: *khan* (Êđê), *ot ndrông* (M'Nông), *hori* (Jrai), *homon* (Bana), *nôtông* (Mạ)... Ngoài tên gọi sử thi, một số nhà nghiên cứu còn gọi bằng các tên khác như: *anh hùng ca*, *trường ca*, *bài ca*...

Tây Nguyên là một vùng sử thi rất phong phú về số lượng tác phẩm. Những tác phẩm sử thi “*sáng ngời như những viên ngọc quý*” và không còn là của riêng một dân tộc nào mà là vốn quý của cả nước. Một trong những yếu tố góp phần tạo nên giá trị độc đáo của tác phẩm sử thi là ngôn ngữ, ngôn ngữ của nó mang vẻ đẹp nguyên hợp, trong đó không chỉ có ngôn ngữ của *thơ ca*, ngôn ngữ của *kịch*, ngôn ngữ của *âm nhạc* mà còn có cả ngôn ngữ *đối thoại*, *độc thoại* và kèm theo các hình thức ngôn ngữ này là *hành động diễn xướng* của người hát kể sử thi. Điều đặc biệt hơn nữa là ngôn ngữ sử thi không chỉ có *lời kể* mà còn có *lời hát*, *lời khóc*, *lời than*, *lời cúng*... Tất cả chúng đều được thể hiện dưới một hình thức chung là *văn vắn*, đây là hình thức ngôn ngữ phổ biến, có những nét riêng khá độc đáo trong nền văn học dân gian các dân tộc Tây Nguyên.

Với ý định là nhằm cùng góp phần khai thác những giá trị khác nhau của Sử thi Tây Nguyên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu những đặc điểm sử dụng ngôn ngữ của sử thi. Về vấn đề này các nhà nghiên cứu văn học dân gian trong nước đã đưa ra nhiều ý kiến nhận xét, đánh giá khá là toàn diện và tinh tế.

Trước hết phải kể đến tác giả Võ Quang Nhơn (trong công trình *Văn học dân gian Việt Nam* do GS Đinh Gia Khánh chủ biên), trên cơ sở đối chiếu với các thể loại khác của văn học dân gian và đặc điểm về hình thức diễn xướng của nó, ông đưa ra nhận xét tổng quát về nghệ thuật ngôn ngữ sử thi Tây Nguyên như sau: “*Sử thi anh hùng Tây Nguyên là một loại hình thuộc thể loại tự sự dân gian, có tính chất nguyên hợp, trong đó bao gồm các yếu tố nghệ thuật của ngôn ngữ văn xuôi, ngôn ngữ thơ ca, âm nhạc và cả ngôn ngữ sân khấu nữa*”. Đồng thời ông nêu lên đặc điểm khái quát nhất làm nên giá trị độc đáo của ngôn ngữ sử thi, đó là: “*Những yếu tố nghệ thuật ngôn ngữ là một tổng thể kết hợp hài hòa, gắn bó hữu cơ với nhau, tạo nên giá trị độc đáo không thể nào bắt chước được của các bản sử thi anh hùng*” (VHDGVN, 772). Như thế theo tác giả Võ Quang Nhơn thì nghệ thuật ngôn ngữ Sử thi Tây Nguyên là nghệ thuật ngôn ngữ tổng hợp của nhiều loại hình nghệ thuật ngôn ngữ khác nhau.

Nhà nghiên cứu Đỗ Hồng Kỳ cũng nêu một số vấn đề thuộc lĩnh vực thi pháp như: phương thức diễn xướng, các thủ pháp nghệ thuật, hình thức câu văn vắn, biện pháp xây dựng cốt truyện và nhân vật...

Dựa vào kết quả khảo sát, nghiên cứu của mình về ngôn ngữ văn học dân gian của một số các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, trong chuyên đề lần này chúng tôi nêu lên một số đặc điểm ngôn ngữ của Sử thi Tây Nguyên. Đề tài này có ý nghĩa góp phần vào việc khai thác và bảo lưu những giá trị văn hóa của Sử thi Tây Nguyên.

Để xác lập và phân tích các đặc điểm sử dụng ngôn ngữ sử thi của các dân tộc Tây Nguyên, chúng tôi tiến hành khảo sát nhiều tác phẩm sử thi dân gian, chú ý đến các yếu tố lặp đi lặp lại trong quá trình sử dụng ngôn ngữ. Từ đó, bài viết khái quát, nâng lên thành một số các đặc điểm cơ bản về việc sử dụng ngôn ngữ và phân tích cội nguồn, nội hàm giá trị của nó.

Các phần sau đây của chuyên đề chúng tôi sẽ trình bày lần lượt ba đặc điểm của ngôn ngữ sử thi Tây Nguyên:

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh
- Ngôn ngữ giàu tính nhạc
- Ngôn ngữ có tính kịch

Đặc điểm thứ nhất:

NGÔN NGỮ SỬ THI GIÀU HÌNH ẢNH

Có thể nói rằng có một nét nổi bật gây ấn tượng mạnh mẽ sâu sắc, đặc biệt kỳ thú đối với những độc giả được tiếp xúc với Sử thi Tây Nguyên là cách nói ví von, rất giàu hình ảnh, tràn ngập trong khắp tác phẩm. Cách nói ấy gắn liền với nếp cảm, nếp nghĩ của con người và cảnh sắc Tây Nguyên và làm nên bản sắc riêng cho ngôn ngữ của hệ thống Sử thi Tây Nguyên.

1. Trước hết, ta thấy những hình ảnh rất quen thuộc vốn tồn tại trong thiên nhiên và cuộc sống con người và nhiều hình ảnh do con người tưởng tượng ra đi vào tác phẩm sử thi một cách hết sức phong phú, tự nhiên và sinh động. Từ hình ảnh những sự vật sự việc bình thường đơn giản nhất trong đời sống con người như *cái tổ mối, tổ kiến, con bò, con trâu, con chó...* cho đến những hình ảnh sự vật, sự việc xa lạ, siêu nhiên do con người tưởng tượng ra như *cái cầu thang, cái chày, cái cối, cây cột nhà, cái nhà...* đều được làm bằng vàng... xuất hiện rất nhiều lần trong ngôn ngữ sử thi.

Chẳng hạn cũng để nói về vẻ đẹp của người anh hùng Đam San thì ngôn ngữ sử thi mô tả mỗi lúc một khác với nhiều hình ảnh cụ thể dùng để so sánh như sau:

"Mặt Đăm San đỏ như hồng hơi men... Lúc anh cười miệng đỏ như dưa hấu, môi mỏng như lá tỏi. Cổ trơn tru như quả cà chín... Râu cầm anh mềm dẻo như dây guól pang, râu cầm mềm dẻo như sợi dây guól pông...

Anh đi trên đường cái thoăn thoắt như con rắn prao huê... Anh đi trong đám cỏ tranh nhanh như con rắn prao homat ... Anh như cây đa to lớn... Mỗi khi anh giẫm mạnh vào ngạch cửa làm nhà sàn lung linh bảy lần..."

Đó là vẻ đẹp vừa nhanh nhẹn, mềm mại, vừa khỏe khoắn của chàng trai. Còn khi mô tả các cô Hơ Nhi và Hơ Bhi thì sử thi cũng dùng rất nhiều hình ảnh vừa cụ thể vừa trừu tượng để thực hiện phép so sánh sinh động như sau:

"Nàng đi đùng đình thân mình uyển chuyển như cành cây blô sai quả, mềm dẻo như những cành trên ngọn cây, gió đưa đi đưa lại... Nàng đi như chim phượng hoàng bay, như chim diều lượn trên không, như nước chảy dưới suối... Người trong như nước trong ống, sáng như nước trong bầu... Nàng đẹp như ánh sáng mặt trời, như bầu trời nhấp nháy đầy sao. Ngón tay bà thuôn thuôn như lông nhím... Tóc nàng dài đến nỗi nếu thả ra thì xuống tận đất như một thác nước và che bóng râm như cả một cây konia..."

Đây là vẻ đẹp nhẹ nhàng, uyển chuyển của con người vừa có nét đẹp của con người phàm tục đi lại dưới mặt đất vừa có nét đẹp của nàng tiên bay lượn trên không.

Một số trong các hình ảnh cụ thể được sử dụng quen thuộc trong sử thi đã trở thành biểu tượng, chẳng hạn *cây đa, cây sung...* tượng trưng cha mẹ, hay là những người anh hùng có công lớn đối với buôn làng; *cây kơ nia* tượng trưng cho linh hồn con người; *con hùm, con voi, con rắn...* thường tượng trưng cho sức mạnh của con người.v.v... Còn có một điều khác nữa là trong các hình ảnh có ý nghĩa như là biểu tượng ấy có một số hình ảnh vừa có thể tượng trưng cho cái tốt mà cũng có thể vừa tượng trưng cho cái xấu, chẳng hạn *con hùm, con voi, con rắn...* tượng trưng cho cả sức mạnh của người anh hùng lý tưởng Đam San nhưng có lúc lại sử dụng để tượng trưng cho sức mạnh của các Motaot thù địch.

2. Và bước cao hơn một bước nữa là người ta thường diễn đạt bằng những hình ảnh tưởng tượng, đối với chúng ta có phần hoang đường, nhưng cho ta thấy cuộc sống tâm linh (hay tinh thần) của người Tây Nguyên. Chẳng hạn ta hãy nghe người Êđê miêu tả cảnh trên đường Đam San đi tới nhà nữ thần Mặt trời:

"Rồi Đam San lên đường đi qua rừng âm u, trèo qua núi rậm. Cỏ tranh cắt nát tay anh. Mây cắt nát chân anh. Anh không có một thứ gì ăn uống. Anh cứ đi mãi, đi mãi, càng đi càng thấy rừng vắng như không có ai ở. Anh đi đến chuồng nuôi trâu, bên trên có thả diều của Trời. Chỗ đó không có ai cả, đàn ông cũng không, đàn bà cũng không. Đi mãi gặp một cái hàng rào lưới làm bằng dây đồng, trên làm bằng dây sắt. Anh thoáng thấy làng của người gìn giữ mặt trời, mặt trăng. Tới một chỗ cao anh chặt một sườn núi, ném xuống bùn làm một con đường để vượt qua ranh giới giữa trời và đất. Anh đến một nhà đơn độc, nhà vợ chồng Hkung và Ydu ở với thần Mặt trời và thần Mặt trăng. Người ta nghe tiếng sấm sét, tiếng mưa rơi y như ngựa thở. Ở đây sáng luôn không có đêm tối. Anh thấy cái nhà nữ thần Mặt trời ở. Thang lên nhà là một cầu vồng. Cối giã gạo bằng vàng. Chày cũng bằng vàng, lúc dùng thì ánh sáng lấp lánh ngợp mắt. Anh xuống ngựa mở yên, trèo lên thang nhà, tin cho trong nhà biết, rồi đứng ở sàn hiên nhìn qua nhà của thần Mặt trời. Anh ngắm nghía nhà to, ngắm voi quanh sàn nhà, trong

nhà đầy chiêng núp và chiêng bằng. Tôi tớ trai và gái đông như mây. Sườn nhà thiếp vàng. Tất cả nhà các tù trưởng giàu mạnh chưa có nhà nào như vậy. Anh đi qua cửa, móc dao vào phen, ngồi giữa nhà. Người nhà đi lại từ nhà sau ra nhà trước nhìn Đăm San như nhìn một thần linh mà danh tiếng đã vượt qua núi rừng tới thần ánh sáng."

Đây là bức tranh do con người tưởng tượng và miêu tả trên cơ sở kết hợp những hình ảnh vừa có yếu tố *thực* và vừa có yếu tố *ảo*, trong đó yếu tố *thực* như là cái nền cơ bản còn yếu tố *ảo* là bề nổi khoát lên trên. Nếu lược bỏ đi những yếu tố *ảo* thì còn lại là bức tranh hiện thực sinh động của thiên nhiên và cuộc sống con người. Cách miêu tả ấy là sự kết hợp chặt chẽ giữa bút pháp *hiện thực* và bút pháp *lãng mạn* mà ta thấy diễn ra rất phổ biến trong ngôn ngữ của hệ thống Sử thi Tây nguyên.

Trong những hình ảnh *tưởng tượng*, *hoang đường* đó đáng lưu ý thêm là hình ảnh của các Yang và các vị *thần linh*. *Thần linh* trong sử thi có hai loại: loại *thần linh tốt* thì giúp đỡ con người, còn loại *thần linh xấu* thì chuyên tìm cách ám hại con người và tất cả các vị thần đều có bản tính như con người, sống gần gũi với con người và con người luôn xem thần linh vừa có sức mạnh siêu nhiên và vừa như một con người bình thường. Đó là đặc điểm của hình ảnh *thần linh* trong sử thi các dân tộc Tây Nguyên. Đây là những lời đối thoại giữa Đăm San với Trời:

"Trời - Cháu đến đây có việc gì đó ?

Đăm San ngồi im lặng không nói gì. Trời đưa thuốc cho Đăm San hút. Đăm San liền chup ngay búi tóc Trời.

Đăm San - *Tôi chặt ngay cái đầu Trời đây !*

Trời - *Tại sao lại chặt đầu ta ?*

Đăm San - *Tại sao tôi chặt đầu à ? Vì tôi gọi mãi mà Trời không nghe. Vì trời không chịu nghe lời than khóc của tôi. Vì tôi đã lễ Trời bao nhiêu rượu, lợn, trâu mà Trời không chịu mở cửa sắt ra. Hãy nhìn lại Đăm San này. Xem nước mắt ròng đầy một bát, chảy ngập cả chiếc chiếu. Trời ơi! Vợ tôi đã chết rồi, thật đã chết rồi, người nấu cơm và sắm thức ăn cho tôi, người dệt áo khó cho tôi. Chính Trời trước kia đã cho tôi đến ở nhà vợ tôi. Chính Trời đã cho nàng làm vợ tôi. Chính trời đã trộn lẫn sơn với dầu. Chính trời đã buộc cương vào miệng ngựa, buộc dây vào mũi trâu, buộc trai với gái. Chính Trời đã ép buộc chúng tôi lấy nhau, đã dọa tôi rằng, nếu không lấy thì bắt tôi làm tôi tớ cho Hơ Nhi, còn nếu tôi lấy Hơ Nhi thì tôi sẽ thành một tù trưởng giàu mạnh có nhiều chiêng núp, chiêng bằng. Bây giờ tôi đã có nhiều chiêng núp, chiêng bằng, tôi đã có nhiều tôi tớ trai và gái, thì nay ai sẽ nấu cơm cho tôi, ai sắm thức ăn cho tôi, ai dệt khó áo cho tôi."*

Rõ ràng Trời vừa có quyền uy, thế lực của siêu nhiên đã buộc Đăm San và Hơ Nhi và Hơ Nhi lại thành vợ thành chồng, nhưng Trời trong ý nghĩ con người còn như là một con người thế tục bình thường khác. Vì thế khi bình thường, Đăm San phục tùng ý Trời, nhưng khi tức giận, anh có hành động và lời nói coi thường Trời. Trong đời sống tinh thần của các dân tộc Tây Nguyên, con người và thần

linh có mối quan hệ gần gũi, bình đẳng với nhau. Đó cũng là một đặc điểm của hình ảnh thần linh trong hệ thống sử thi Tây Nguyên.

3. Ngoài việc sử dụng những hình ảnh *cụ thể* và hình ảnh tượng tượng hoang đường, người ta còn quen dùng một số hình ảnh biểu hiện nội dung một cách tượng trưng và tiêu biểu nhất, gọi là hình ảnh biểu trưng. Lối diễn đạt dùng hình ảnh biểu trưng này làm cho câu văn thường ngắn gọn và vượt cấp về nội dung ý nghĩa. Các hình ảnh biểu trưng trong ngôn ngữ sử thi thường có cấu tạo bằng một con số biểu trưng mà thường là con số 1, số 3, số 5 và con số 7 kết hợp với hình ảnh đi kèm theo. Ví dụ Đăm San sai tội tớ của mình mang các đồ vật để cúng các vị thần linh như sau:

"Hỡi các con ! Đi bắt trâu và kiêng rượu về đây làm lễ. Năm trâu nên cúng những người đã chết. Bảy chum rượu để cúng cho ta. Ta đi cúng đũa nào bắt vợ ta."

Các *con số* và hình ảnh đi kèm theo làm nên những *hình ảnh biểu trưng* vừa có ý nghĩa tả thực nhưng lại vừa có ý nghĩa biểu hiện một ý niệm khái quát nào đó của con người, chẳng hạn trong ví dụ trên kia, con số 5 và số 7 có ý nghĩa chỉ sự kính trọng của con người đối với sự thiêng liêng của *thần linh*.

Một ví dụ khác cũng diễn đạt bằng *hình ảnh* và *con số biểu trưng* để miêu tả cuộc chiến đấu dũng cảm giữa Đăm San và Mtao Grur như sau:

"Ba lần Mtao Grur chạy quanh đồi và giẫm nát ba đám cỏ tranh. Bảy lần cây mác nhọn của Mtao Grur phóng mạnh như sao băng tưởng chừng cắm vào đùi Đăm San, nhưng rồi chỉ đâm oan một con lợn."

4. Hầu hết các hình ảnh khi đi vào ngôn ngữ sử thi chính là phản ánh đời sống và cảnh sắc của miền rừng núi Tây Nguyên, chẳng hạn, người Êđê miêu tả bức tranh cuộc sống đông vui của buôn làng miền núi qua một đoạn sử thi sau đây:

"Họ nhìn làng cát trên một ngọn đồi lum lum như một mu rùa. Các rẫy lưng chừng trên sườn núi. Trâu bò nhi nhúc như bầy mối, bầy kiến. Đường từ bên trái qua bên phải rộng đến nỗi hai người đứng hai bên đường, một người thẳng tay giơ lên một cái lao và một người thẳng tay giơ lên một con dao dài cũng chưa chạm nhau. Dấu chân ngựa và voi trên đường làm cho đường giống như một sợi dây đánh. Tớ trai đi lại chen chúc nhau, ngực sát ngực. Tớ gái vú sát vú. Thật không có gì đẹp và nhộn nhịp như làng này. Dấu chân ngựa nhiều như dấu chân con rết. Dấu chân voi to và sâu như đày cối. Nồi đồng nhiều như ốc sên ở trong rừng. Nhà dài như tiếng chim. Hiên nhà dài như sức bay một con chim. Trên sàn trước hiên chim vàng anh và chim sáo nhảy đi nhảy lại. Các khăn ngũ sắc phơi đầy sào." (TCĐS, 21)

Đoạn văn dựng thành một bức tranh *hiện thực* cuộc sống sinh động của đồng bào Tây Nguyên trong thời kỳ tiền giai cấp, trong đó nổi lên khá rõ những nét tiêu biểu cho cuộc sống trù phú của buôn làng. Sở dĩ người ta so sánh hình ảnh "*làng cát trên một ngọn đồi lum lum như một mu rùa*" là vì mặt đất Tây Nguyên không bằng phẳng và cũng không dốc núi mà có nhiều đồi thoả thoả nối tiếp nhau; tương tự người ta so sánh hình ảnh "*trâu bò nhi nhúc như bầy mối, bầy kiến*" là vì xưa kia, việc chăn nuôi trâu bò của các dân tộc Tây Nguyên rất phát triển, thành từng

bầy, từng đàn và nó trở thành một ngành nghề chính trong nền kinh tế của họ; người ta còn so sánh "*Nhà dài như tiếng chim. Hiên nhà dài như sức bay một con chim...*" là vì xưa kia nhiều gia đình giàu có người ta làm những ngôi nhà dài đến hàng trăm mét và hiên nhà cũng vì thế mà rất là dài.v.v...

5. Hình ảnh trong ngôn ngữ sử thi không chỉ là những hình ảnh *cụ thể* của sự vật có hình có khối đập vào thị giác chúng ta hoặc là những hình ảnh do con người tưởng tượng ra có tính chất hoang đường mà còn là những hình ảnh sự vật được *nhân hóa* hay *cường điệu* ... hoặc những âm thanh như tiếng chim, tiếng chiêng, tiếng suối, tiếng trống.v.v... vốn là những cái vô hình cũng được người ta *vật thể hóa* nó, tạo ra cho người nghe có cảm giác như nhìn thấy những vật thể, âm thanh đó đang "*hoạt động*".

Sau đây là một câu văn mà người ta đã *nhân hóa* và *cường điệu* những hình ảnh khá là ấn tượng: "*Tiếng ngựa chạy nghe như tiếng sóng than, như tiếng biển thổi*". Trước hết, đây là tiếng vó ngựa nghe như trù lên tất cả rừng núi của Đăm San trên đường đi bắt nữ thần mặt trời, nhưng tiếng vó ngựa ấy còn nghe *như tiếng sóng than, như tiếng biển thổi*. Có như thế mới chứng tỏ sự khao khát đến đau thương và cháy bỏng của chàng muốn bắt nữ thần về làm vợ và muốn trở thành một tù trưởng hết sức giàu mạnh, trên đời không ai bì kịp.

Còn đây là đoạn văn mà con người đã *vật thể hóa* tiếng chiêng làm cho tiếng chiêng như đang "*hoạt động*":

"Đánh những cái chiêng kêu nhất, những chiêng âm tiếng nhất! Đánh cho tiếng chiêng lan ra khắp xứ! Đánh cho tiếng chiêng luôn qua sàn, lan xuống dưới đất! Đánh cho tiếng chiêng vượt qua mái nhà vọng lên trời. Đánh cho khi trên cây cũng quên bám chặt vào cành đến phải ngã xuống đất! Đánh cho các âm hồn nghe tiếng cũng quên làm hại người ta. Đánh cho chuột, sóc cũng quên đào hang, cho rắn bò ra khỏi lỗ, cho hươu nai phải đứng thình mà nghe, cho thỏ lắng tai không kịp ăn cỏ, cho tất cả muôn vật chỉ còn có thể lắng tai nghe tiếng chiêng của Hơ Hhi và Hơ bơ Nhí!"

Đoạn văn tràn đầy những hình ảnh sinh động trên đây làm cho mắt ta như thấy được toàn bộ không gian cũng cuộc sống của mọi vật đều ngưng đọng lại trước sức hút kỳ lạ của tiếng chiêng. Ở đây người ta đã *vật thể hóa* sức vang của tiếng chiêng để biểu hiện cảnh sinh hoạt nhộn nhịp của buôn làng, cảnh hội hè đông vui với tiếng chiêng ngân vang không ngớt giữa núi rừng Tây Nguyên hùng vĩ bao la.

- Hình ảnh bước vào ngôn ngữ sử thi là để thực hiện các biện pháp nghệ thuật, và ở đây là biện pháp so sánh. Hơn nữa, người ta ít khi so sánh một lần mà thường so sánh nhiều lần, có như thế mới hay mới hấp dẫn người nghe, vì thế ngôn ngữ sử thi tràn ngập những hình ảnh nối tiếp nhau rất phong phú và đa dạng. Kết quả là người nghe sử thi vừa có thể hình dung cụ thể nhiều cảnh vật khác nhau, vừa có những cảm xúc thú vị từ lối so sánh hình ảnh trùng điệp.

Ngôn ngữ giàu hình ảnh của đoạn sử thi Êđê dưới đây đưa ta đến làm quen với cảnh sống trù phú, đông đúc, vui tươi, đẹp đẽ của buôn làng ngày xưa bằng các từ ngữ biểu hiện nhiều so sánh hình ảnh nối tiếp nhau:

"Họ ra đi người đen như đám mây, xám như dây khua, đông như mối như kiến. Họ đến suối rồi đến đầu làng. Làng thật to lớn. Nương rẫy ở cửa rừng đều làm cỏ sạch sẽ. Rẫy chiếm các đỉnh đồi cao. Làng ở lưng chừng sườn đồi. Trên sườn đồi trâu ló nhỏ đen như những quả dưa chín. Bò đỏ như dưa ương. Trâu bò lúc nhúc như mối trắng, như kiến đen. Nhà cửa nhiều như cát. Nước suối chảy trên những tảng đá bằng. Hàng rào phía thấp bằng mây và sắt, phía cao bằng gai." (TCĐS, 55)

Người ở Tây Nguyên nói chung, dân làng Êđê nói riêng luôn thấy mây phủ kín núi, mây buông chật thung lũng, nói *người đen như đám mây*, nghĩa là người đông như đám mây là cách nói độc đáo, rất Tây Nguyên.v.v... và còn nhiều cách nói độc đáo khác. Cách nói bằng nhiều lần so sánh như thế này đã làm cho những hình ảnh cụ thể như: *đám mây, dây khua, mối, kiến, quả dưa chín, dưa ương, mối trắng, kiến đen, cát...* vốn là vô tri vô giác trong thiên nhiên bước vào sử thi Êđê một cách tự nhiên và sinh động. Đồng thời, cùng với cách nói nhiều lần so sánh trực tiếp, nối tiếp nhau này trước mắt người nghe bày ra cảnh tượng một buôn làng nhộn nhịp, giàu có và rất đông đúc.

- Trong sử thi một số hình ảnh xuất hiện đi, xuất hiện lại nhiều lần bằng cách lặp lại một số hình ảnh cố định hay lặp nhiều lần một định ngữ giống nhau. Chẳng hạn, mỗi khi người anh hùng Đam San xuất hiện ta thấy thường kèm theo một số hình ảnh làm định ngữ cho câu văn như: Đam San người anh hùng *đầu đội khăn kếp, vai mang túi da*; so sánh với người đẹp thì thường dùng hình ảnh: người trong như *nước trong ống*, sáng như *ánh sáng mặt trời*, đẹp như *hoa êpang...*"; so sánh số nhiều thì thường có các hình ảnh: *bầy mối, bầy kiến, đàn hươu, đàn nai.v.v...*

Theo chúng tôi, hình ảnh phong phú cùng với sự lặp lại một số hình ảnh cũng như một số khuôn mẫu mô tả bằng hình ảnh trong ngôn ngữ sử thi không hề gây cảm giác thừa hay tâm lý khó chịu cho người nghe mà ngược lại nó đã trở thành mô típ thẩm mỹ rất quen thuộc trong cách thức diễn đạt của người xưa và chính điều này tạo nên sức mạnh lôi cuốn, thuyết phục đối với người nghe. Trong sử thi Hy Lạp, chúng ta cũng thấy hiện tượng lặp đi lặp lại những định ngữ quen thuộc như thế khi miêu tả về các nhân vật: Ajăc với "**chiếc khăn to như tháp chuông**"; Uylis "**dũng cảm**"; Asin "**thần thánh**"; Apôlông "**bắn tên xa muôn dặm**"...

- Trong Sử thi Tây Nguyên, ngôn ngữ hình ảnh không chỉ được sử dụng để khắc họa tính cách cho các nhân vật, hoặc để miêu tả cho những cảnh sinh hoạt, hội hè, những cảnh đánh trận.v.v... Ngay những lời giao tiếp giữa các nhân vật cũng thể hiện lối nói có hình ảnh sống động. Chẳng hạn như lời nói của Y Ding với chị của Đam San, khi đến hỏi Đam San về làm chồng cho Hơ Nhí:

"Chúng tôi đến đây như ong đến tìm hoa như trai tìm gái. Chúng tôi đến nói chuyện trâu chuyện thuốc"

Như vậy, ngôn ngữ hình ảnh cùng với những đặc điểm sử dụng hình ảnh theo cách nghĩ của người Tây Nguyên đã tạo nên vẻ đẹp và sức hấp dẫn đặc biệt cho Sử thi Tây Nguyên -Việt Nam.

Liên tưởng với *Iliat* và *Ôđixê* của Hôme là những anh hùng ca mẫu mực cổ điển trên thế giới thì chính lối văn tự sự hấp dẫn và bằng nghệ thuật ngôn ngữ hình ảnh đã miêu tả tỉ mỉ, chi tiết tạo ra những bức tranh sinh động về nhiều bình diện hoạt động của xã hội, của con người vào một thời đại đã qua hết sức hấp dẫn, nhưng không bao giờ trở lại. Có điều cần lưu ý là trong khi kể chuyện, Hôme vừa coi trọng ngôn ngữ hình ảnh nhưng cũng lại vừa coi trọng ngôn ngữ của sự kiện. Chẳng hạn trong *Ôđixê* đoạn sau đây miêu tả những sự kiện dồn dập để gợi lên một cảm xúc mãnh liệt về nỗi buồn cô đơn và nhớ quê nhà của chàng *Ulixơ* :

"Tuân lệnh Zot, vị nữ thần sông núi oai nghiêm đi tìm Ulixơ. Nàng thấy người anh hùng đó ngồi trên bờ biển, nước mắt chan hòa. Cuộc đời êm dịu của người mơn mõi trôi qua trong nỗi buồn không trở lại được quê hương vì vị nữ thần sông núi không làm cho người say đắm nữa. Đêm đêm, người buộc lòng phải nằm cạnh nàng, trong động, nhưng người không còn chia sẻ mối tình nàng. Ban ngày người ra ngồi trên những phiến đá ở bờ biển, lòng tan thành nước mắt và lời than vãn đau thương. Người đăm đăm nhìn ra biển khơi luôn luôn chuyển động mà khóc dầm dề."

Trong khi đó, Sử thi Tây Nguyên cũng có những đoạn văn tự sự bộc lộ tâm lí tính cách của nhân vật, nhưng người ta lại ưa dùng nhiều hình ảnh để miêu tả nhân vật, chẳng hạn người ta miêu tả Đam San, người anh hùng mang vẻ đẹp khỏe mạnh, dũng cảm và giàu có như sau:

"Đam San quả thật là một tù trưởng oanh liệt, dũng cảm hùng cường, cho đến nỗi có mệt ngất đi cũng không hề chịu lùi bước. Chàng ta mang chẵn choàng trên áo, tai đeo vòng, tay cầm guom chạm trở và sắc bén, toàn là đồ dùng của người giàu mới có. Chân chàng to bằng xà nhà, đùi to bằng ống bẹ. Chàng khỏe như con voi đực. Hơi thở như sấm vang. Nằm xuống sàn nhà thì gãy cả nhà, Đam San hùng cường ngay từ lòng mẹ."

Như thế, nếu như nhìn một cách khái quát nhất thì ngôn ngữ của hệ thống Sử thi Tây Nguyên là ngôn ngữ giàu hình ảnh với cách nói ưa so sánh đã góp phần làm nên giá trị độc đáo và trường cửu của tác phẩm, còn ngôn ngữ của các anh hùng ca nổi tiếng *Iliat* và *Ôđixê* là ngôn ngữ vừa giàu hình ảnh lại vừa giàu thông tin sự kiện đã góp phần làm nên giá trị thẩm mỹ lý tưởng của những tác phẩm này.

Đặc điểm thứ hai:

NGÔN NGỮ SỬ THI GIÀU NHẠC ĐIỆU

Cùng với đặc điểm phổ biến của tính giàu hình ảnh, ngôn ngữ hệ thống Sử thi Tây Nguyên còn thể hiện một đặc điểm khác cũng góp phần tạo nên giá trị cho sử thi, đó là ngôn ngữ giàu nhạc điệu. Tính nhạc trong ngôn ngữ sử thi thể hiện tập trung qua sự kết hợp giữa các hình thức: hiệp vần, lặp, kết cấu đối xứng và nhịp.

- Xét về mặt ngữ âm, từ lâu ngôn ngữ các dân tộc bản địa ở vùng Tây Nguyên Trường Sơn như: *Jrai*, *Ba Na*, *M' Nông*, *Ê Đê*, *Sê Đăng*, *Giẻ Triêng*,

Xtiêng, Brâu, Pa cô, Vân Kiều, Mạ, Raglai, Churu v.v... đều có ảnh hưởng sâu sắc lẫn nhau và đều thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, không có thanh điệu khác với loại ngôn ngữ giàu thanh điệu như tiếng Việt. Vì thế, trong thơ ca tiếng Việt dễ thường nhận thấy rõ âm hưởng bổng, trầm, lên xuống trong nhạc điệu của nó, còn trong ngôn ngữ thơ ca các dân tộc Tây Nguyên nói chung trong đó có ngôn ngữ sử thi lại thể hiện ở ưu thế khác. Đó là yếu tố vần, hiệp vần là yếu tố chính tạo nên âm hưởng liên kết chặt chẽ, hài hòa với nhau giữa các vế trong một câu và giữa các câu với nhau. Đó là đặc điểm ngữ âm để có thể nhìn nhận và phân biệt mặt ngữ âm thơ của thơ Tiếng Việt và thơ của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên.

Theo chúng tôi thì yếu tố vần là yếu tố ngữ âm quan trọng tạo nên âm hưởng nhạc điệu chính cho thơ ca của các dân tộc Tây Nguyên. Vì thế, nếu như các nhà Việt ngữ học cho rằng, thơ tiếng Việt thuộc loại hình thơ thanh điệu thì theo chúng tôi, thơ ca nói chung, trong đó có sử thi của các dân tộc Tây Nguyên thuộc loại hình thơ vần, vì rằng yếu tố vần là yếu tố quan trọng hơn cả làm nên âm hưởng nhạc điệu chính cho thơ ca cũng như sử thi của các dân tộc Tây Nguyên.

Thể loại sử thi trong văn học các dân tộc Tây Nguyên hầu hết đều được cấu tạo bằng những câu văn vần. Ở đây chúng tôi muốn nói rõ thêm về đặc điểm câu văn vần trong sử thi của các dân tộc Tây Nguyên. Câu văn vần cấu tạo đơn giản, có độ dài ngắn khác nhau chưa theo một quy ước nào cả, gần giống như câu thơ tự do bây giờ. Nhưng phải công nhận rằng, hiện tượng hiệp vần giữa các vế trong câu hay giữa các câu với nhau trong sử thi diễn ra rất nhiều, nhưng có vẻ như không có luật thơ nghiêm ngặt và đơn giản chỉ diễn ra theo hai kiểu hiệp vần khác nhau, đó là hiệp vần liền nhau (là hiệp vần giữa hai âm tiết đi liền nhau) và hiệp vần cách quãng (là hiệp vần giữa hai âm tiết cách nhau ít nhất là một âm tiết) trong câu.

Hiện tượng hiệp vần phổ biến với hai kiểu khác nhau như thế nên có nhiều âm gần giống với nhau trong một câu, hoặc giữa các câu. Vì vậy, khi nghe nghệ nhân hát kể sử thi, ta có cảm giác rất thuận tai. Ví dụ:

Kât kon sut đom bong bu poh bãn pham bãn

Kât kon khãn ho poh kon pham kon

Troi yon but chut đao rde

Rge tâm bôk pãn têng nrang

Tang nơh kho vang mlum

Uanh ti bôk brai yum nka...

(Bông bới tóc cắm thêm lông chim

Quần quanh đầu mấy vòng vải đỏ

Quần thêm khăn quanh mình mấy vòng

Bông mặc khó quần thêm dao gươm

Quanh đầu bịt mảnh cườm hoa

Trên cổ Bông đeo vòng bạc

Bông bới tóc buộc thêm chỉ màu)

(M'Nông)

Nhờ hiện tượng hiệp vần mà các từ, các cụm từ, các câu trong sử thi liên kết với nhau như những móc xích, giúp người ta dễ thuộc và cũng dễ nhớ. Thuộc câu

trước là có thể gọi nhớ câu sau, thuộc về trước là có thể gọi nhớ về sau. Vì thế, không chỉ có nghệ nhân mà nhiều người bình thường cũng có thể thuộc rất nhiều sử thi của dân tộc mình.

Thí dụ một đoạn văn vần nói về đánh chiêng như sau:

"Tông ching mung ênai, ching tlai pră! Tông biă biă hră car nu nao... Tông tơ gu suôl mbông, tông tơ dlông suôl êda..."

(Đánh chiêng kêu nhất, chiêng âm tiếng nhất! Đánh dần dần tiếng nó lan khắp xứ. Đánh bên dưới nó luôn qua sần, đánh bên trên nó vọng lên trời).

Đó là cảnh vui chơi hội hè rộn rịp, hòa hợp nhịp nhàng với tiếng nhạc của cái chiêng, cái cồng, cái trống và tất cả nó được thể hiện bằng thứ ngôn ngữ uyển chuyển, nhịp nhàng, kết nối chặt chẽ với nhau là nhờ hiện tượng hiệp vần.

Ngôn ngữ giàu nhạc điệu được thể hiện bằng hình thức hiệp vần không chỉ để miêu tả cảnh vui chơi hội hè mà người ta còn phát huy khả năng tác dụng hiệp vần của nó trong nhiều trường hợp khác nữa, chẳng hạn như cảnh mọi người cùng đua nhau lao động sản xuất diễn ra khẩn trương, sôi nổi trong buôn làng cũng được diễn đạt bằng những câu văn vần giàu nhạc điệu như sau:

"Tâm rlach ding gach ding ge

Tâm nte doih bah ôi sol mâu

Tâm rkit brai mit

Tâm rkit brai miăt

Rkiăt brai hu du sah rnăng

Deh du mpôt Bing de jêng ôi

Deh du mpôi Bing de jêng ao"

(Bông, Rong ma Tiăng - M'Nông)

(Họ thử thách nhau tài nghệ

Họ thi nhau đập bông

Họ thi nhau kéo chỉ

Họ thi nhau nhuộm sợi

Một gói bông Bing dệt thành chăn

Một nắm bông Bing dệt thành áo)

Cùng các hình thức ngữ âm khác, đoạn văn có một số cặp câu hiệp vần làm cho giữa các vế, các câu liên kết ngữ âm chặt chẽ với nhau tạo ra một nhịp điệu chung dồn dập, góp phần diễn tả cảnh lao động đập bông, kéo chỉ, dệt chăn, dệt áo, công việc nào cũng vui vẻ, khẩn trương, sôi nổi của người dân Tây Nguyên thời trước.

Đặc biệt trong sử thi, một số đoạn văn, câu văn có số lượng câu, chữ ổn định thường xuất hiện đi, xuất hiện lại nhiều lần trong nhiều đoạn khác nhau của tác phẩm như là những điệp khúc của bản nhạc, chẳng hạn:

"Put kuăt hôt chông knet

Tet kuăt hôt bah chông knăng

Ka srăng ôp bah lu nglang"

(Sử thi M'Nông)

(Chim put kêu từ ngọn cây knet

Chim tet kêu từ ngọn cây knăng
Cá sẵng kêu từ hòn đá trắng)

Ngoài hiện tượng điệp khúc, trong sử thi còn có một hiện tượng lặp, đó là lặp một hay một số âm tiết liên tiếp giữa các câu với nhau tạo nên tiết tấu nhẹ nhàng mà khỏe khoắn, dàn trải mà đều đặn cho mạch văn. Chẳng hạn:

*"Trôk ma ang dom ho jri bang nkâm
Trôk ma ang jrang lôn nkâm
Trôk ma ang ho Bôn, Băn nkâm
Trôk ma neh hôm du bông nơ dă"*

(Sử thi M'Nông)

(Lúc trời sáng, mây càng u ám
Lúc trời sáng, trời càng tối tăm
Lúc trời sáng, Bôn, Băn mang mây đến che
Trời và đất chỉ còn cách nhau một cằn cằn)

- Ngoài ra, tính nhạc trong ngôn ngữ Sử thi Tây Nguyên còn thể hiện ở kết cấu đối xứng tạo ra tính hài hòa, cân xứng, nhịp nhàng cho câu văn. Kết cấu đối xứng được thể hiện trên cả ba bình diện: ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Khi đối xứng diễn ra ở một, hai hay cả ba bình diện trên đây thì bao giờ cũng làm cho câu văn sử thi có âm hưởng nhịp nhàng cân xứng, hài hòa khá rõ, và cũng từ đó mà ý nghĩa giữa các vế và giữa các câu soi tỏ lẫn nhau, gây ấn tượng mạnh mẽ hơn đối với người nghe. Sau đây là kết cấu bao gồm đối xứng ý nghĩa từ vựng và đối xứng số lượng âm tiết giữa các vế trong các câu văn:

*Du ding mih đong / du ding ma prăng
Du ding măng đong / du ding ma ang
Du ding phang / du ding nar vai*

(Sử thi M'Nông)

(Một bên mưa, một bên nắng
Một bên đen, một bên trắng
Một bên lạnh buốt, một bên nóng gắt)

Thường ở bất cứ chỗ nào trong ngôn ngữ sử thi chúng ta cũng dễ gặp những kiểu đối xứng ấy. Các kết cấu đối xứng bao giờ cũng đem lại sự hài hòa, nhịp nhàng cho những vế, những câu. Mỗi khi kết cấu đối xứng kết hợp với hiện tượng hiệp vần thì càng làm cho âm hưởng đoạn văn nhịp nhàng uyển chuyển hơn lên, mạch văn thêm chặt chẽ, cân đối, hài hòa.

- Còn tình hình nhịp điệu trong ngôn ngữ Sử thi Tây Nguyên như thế nào? Theo chúng tôi thì trong ngôn ngữ sử thi nhịp điệu chưa được thể hiện phong phú và rõ ràng như kết cấu đối xứng và hiệp vần và cũng không có một quy ước nào cả. Nhìn chung nhịp điệu thường có quan hệ gắn bó với vần, kết cấu đối xứng. Nó biểu hiện ở một số hình thức cơ bản sau:

+ Ở cuối âm tiết vần phía trước thường là ranh giới giữa hai vế và cũng là ranh giới nhịp của nó, chẳng hạn:

*Phun ku mđor hong sung knong/
Mlào yong/ mđor pong kdrang/*

*Jlang kleh dlai wông aro/
Bo wông êman,/ aseh thao êran êbat ơ adei ơ adei
(Sử thi Êđê 442)*

Ranh giới giữa hai vế của một kết cấu đối xứng cũng thường là ranh giới nhịp, chẳng hạn:

*Asei knô rong prung prôk sia/
Asei ana rong prung prôk kan
(Sử thi Êđê 442)*

Và nhiều khi nhịp gắn liền với kết cấu đối xứng và vần, chẳng hạn:

*"Dar ôi lô may kêr kau
Kêng mau lô nay kêr sung
Klung mắt nar lô nay bu yah
Rchah ang khay lô nay Ndu, Tiăng"
(Sử thi M'Nông)*

(Buổi sáng kể chuyện nương rẫy
Buổi chiều kể chuyện củi nước
Buổi trưa kể chuyện anh hùng
Tối sáng trăng kể chuyện Ndu, Tiăng)

Trong đoạn văn này, người đọc dễ nhận ra các kết cấu đối xứng với nhau về ý nghĩa và hiện tượng hiệp vần diễn ra giữa các câu. Đó là các âm tiết tham gia hiệp vần ở vị trí đứng đầu và đứng cuối của mỗi dòng và số lượng âm tiết giống nhau giữa dòng trên và dòng dưới, hai hiện tượng ngữ âm và ngữ nghĩa này đã tạo cho câu văn tách ra từng dòng khá là rõ ràng. Sự hòa kết có tính nghệ thuật rất cao của hiện tượng ngữ âm, ngữ nghĩa này làm cho câu văn có nhịp điệu và tạo ra hiệu quả nhất định để biểu hiện nội dung ý nghĩa câu văn: ca ngợi cuộc sống sinh hoạt tinh thần phong phú diễn ra nhộn nhịp trong những ngày lễ hội của các dân tộc Tây Nguyên.

Nhịp trong sử thi mới chỉ là ranh giới giữa các vế của một kết cấu đối xứng, ranh giới giữa các dòng hoặc giữa các hiện tượng hiệp vần chứ chưa phát triển thành nhịp chẵn hay nhịp lẻ như của thơ ca.

Không phải trong ngôn ngữ sử thi chỗ nào cũng được thể hiện nhịp điệu, tuy nhiên đây cũng là một trong những nhân tố cùng với hiện tượng hiệp vần và kết cấu đối xứng làm nên tính nhạc cho ngôn ngữ sử thi và như chúng tôi đã trình bày hiệp vần là nhân tố bao trùm lên tất cả mặt ngữ âm cho ngôn ngữ sử thi. Trong sử thi nếu như hiệp vần là nhân tố bao trùm lên tất cả mặt ngữ âm cho ngôn ngữ sử thi có chức năng chủ yếu là liên kết, móc xích giữa các vế, các câu với nhau thì kết cấu đối xứng và nhịp điệu là nhân tố có chức năng làm cho các câu văn cân đối hài hòa, nhịp nhàng và uyển chuyển.

Tóm lại, tính nhạc trong ngôn ngữ sử thi Tây Nguyên thường mang vẻ đẹp của sự kết hợp hài hòa nhiều yếu tố thuộc về ngữ âm: hiệp vần, lặp, đối và nhịp điệu. Tuy nhiên, có thể tùy từng nội dung khác nhau mà sức mạnh hiệu quả nghệ thuật của mỗi yếu tố đó được nghệ nhân phát huy để biểu diễn.

Chúng ta tìm hiểu tính nhạc của một đoạn văn vần trong sử thi Êđê ca ngợi về vẻ đẹp tuyệt vời của bà Gung bà Găng trong sử thi *Dăm Tiông* như sau:

*"Dhăk gi lăng ko glu đi hlia
Gi lăng ko tak kla đi le
Dlu dle mse si mnga cuh tlam.
Dlăng lang adei kbuk biêk mse si hwiêt mnga
Buk klăh dua mse ku kuai.
Hwiêt ting gu mse mniê M'Nông
Hwiêt ting dlông mse kbucôt ktiă
Kbuk sua ngun buôn yu dlăng.
Buk điêt kci adei kci, buk mcang tăng knông dlông nu buk
Buk điêt mđon hong boh dong, buk prong mđor hong boh kpăt.
Dlăk kăl wăt man angin kpuh
Dhăk kăl măh lo ru mdrong
Dhăk kăl kpong ru nao mğăn
Hru lăng mğăn angin dhăk,
Hru lăng mğăn angin dai
Drai buk biêk dôk mơ sư
Kbuk biêk man prăh kdor, man hơ klăp
Duk điêk mse si knia tro yui, adei woi adei woi adei...
Hơ bu cut lăng krăh bong bắc kđiêng djăp tut kđiêng
Krăh briêng lah djăp tuh kơ káo
Krăh ngă yáo tơ anăn máo
Leh anăn cuh krai jai mnăk
Dôk cuh krai, êgai nu ju mse si msar mkai, buk hla nu mse hla sun, tăm bun
tăm miăn mse yăn mda..."*

(Sử thi Dăm Tiông Êđê)

(Dịch nghĩa: bà chải tóc lán bóng đến nỗi con dấn đầu vào mái tóc bị trơn tuột ra ngoài không thể bám chân được. Bà búi tóc làm hai, giống như đuôi con chim sáo đen. Búi tóc phía dưới như đàn bà M'Nông, búi tóc trên giống như mỏ con chim ktiă. Mái tóc đen lóng lánh.

*Cả buôn làng trông thấy bà
Búi tóc nhỏ bằng trái boh mdong
Bà búi tóc to bằng trái boh kpăt
Bà lấy cài tóc như hình trăng lưỡi liềm có gió thổi qua
Bà lấy cài tóc bằng vàng cắm dựng đứng
Lấy cài tóc bằng gỗ cắm ngang búi tóc
Bà vén ngang búi tóc có gió thổi qua
Bà vén dọc búi tóc có gió thổi lại
Bà có mái tóc có thể vung đập chết đàn ong
Có thể đập chết đàn mối
Đung đưa giống như có đám mây kéo đến.*

Bà có nhẫn ngà, nhẫn ngọc, chiếc nhẫn bà làm duyên, chiếc nhẫn bà làm điệu. Lung linh chiếc nhẫn ở ngón tay. Bà đốt trái mực để nhuộm răng đen như hạt dưa hấu. Trông thân hình mềm mại như trái mướp non, như bông dẹt vải)

Đoạn văn diễn ra nhiều hiện tượng hiệp vần, lặp âm và cấu trúc ngữ pháp giống nhau. Đó là cơ sở ngữ âm để nghệ nhân thể hiện giai điệu nhịp nhàng cho hình thức hát sử thi.

Ngoài ra, đoạn văn trên đây còn một số biểu hiện khác như: đối về số lượng âm tiết, đối về nghĩa giữa các từ, các vế, các câu với nhau, đây cũng là cơ sở ngữ âm để tạo nên *nhịp điệu* cho ngôn ngữ sử thi.

Một vấn đề quan trọng khác không thể không bàn đến khi tìm hiểu về tính nhạc trong ngôn ngữ Sử thi Tây Nguyên là hát sử thi và hát các làn điệu dân ca Tây Nguyên giống và khác nhau như thế nào? Trong tác phẩm sử thi không chỉ có hát sử thi mà còn có những hình thức hát khác như *hát nói, hát khóc, hát khẩn thần...* chứ chưa phát triển và hoàn thiện như những làn điệu dân ca như *hát Aray, hát Kut...* Hát sử thi không thể tách rời với một số hình thức diễn xướng khác như nói, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt.v.v... của người hát kể sử thi và đặc biệt là gắn liền với môi trường diễn xướng. Nội dung sử thi có quan hệ chặt chẽ với phong tục, tập quán, với sinh hoạt cộng đồng, với môi trường tự nhiên, xã hội, trong khi đó hát *Aray, hát Kut...* có thể tồn tại độc lập mà không quan hệ với các yếu tố trên kia. Mặt khác, hát kể sử thi không kết hợp với nhạc cụ, trong khi đó các làn điệu dân gian gắn liền với các loại nhạc cụ dân gian.

Đặc điểm thứ ba:

NGÔN NGỮ SỬ THI GIÀU TÍNH KỊCH

Song song với hai đặc điểm giàu hình ảnh và giàu nhạc điệu, ngôn ngữ Sử thi Tây Nguyên còn biểu lộ tính kịch (drama) tạo nên vẻ đẹp chung của nghệ thuật ngôn ngữ Sử thi Tây Nguyên. Tính kịch cũng là một đặc tính cơ bản của ngôn ngữ Sử thi Tây Nguyên, có tác dụng rất lớn trong việc khắc họa tính cách nhân vật, biểu hiện cuộc sống con người và thế giới tự nhiên.

Tính kịch trong ngôn ngữ sử thi trước hết thể hiện ngay trong hình thức hát kể của nghệ nhân. Trong sử thi tồn tại khá nhiều những lời nói đối thoại trực tiếp hay những lời nói có chức năng dẫn chuyện. Với những đoạn sử thi như vậy thì nghệ nhân không hát mà thể hiện bằng hình thức nói, nhưng đây là lời nói sử thi được diễn xướng trước tập thể theo lối tự sự dân gian. Nó cũng xuất phát từ lối nói thông thường hằng ngày nhưng được nâng lên, giàu cảm xúc và ngữ điệu phù hợp với tâm lí, tính cách của nhân vật trong tác phẩm. Nó khác với lối nói thông thường trong giao tiếp hàng ngày ở chỗ ngữ điệu và cảm xúc diễn ra tự nhiên, thoải mái theo hướng cá thể hóa qua người nói. Sau đây là một đoạn của lời nói mang nội dung ý nghĩa dẫn chuyện để giúp người nghe nắm khái quát được nội dung cơ bản:

"Đến đầu năm mới, người ta đến rất đông uống rượu và ăn thịt lợn thịt trâu."

Ngoài ý nghĩa chuyển tiếp, lời nói trong tác phẩm sử thi còn là những lời miêu tả sự việc, sự vật, con người và tự nhiên với lối diễn đạt có tính thẩm mỹ nghệ thuật cao hơn, nó gần như lời tự sự thường thấy trong truyện dân gian, chẳng hạn lời nói mang tính chất tự sự về những hành động của hai chị em Hơ Nhi và Hơ Bhi đi đến nhà Đam San với hình thức cường điệu và trùng điệp:

"Rồi hai người đi tới nhà Đam San. Voi ghé sát hiên nhà.

Hơ Nhi và Hơ Bhi nhảy gọn xuống nhà. Trăm tôi tớ đi trước, nghìn tôi tớ theo sau. Hơ Nhi và Hơ Bhi đi ở giữa. Tới chỗ chát củi và tập rác, Hơ Nhi và Hơ Bhi dừng lại đứng đợi gần đống củi."

Nhìn chung, lời nói trong sử thi đơn giản, gần gũi với lời nói thường ngày, có cấu trúc tự do, tùy theo nội dung lời nói có thể dài hay ngắn không bắt buộc, song nó lại có những yếu tố nghệ thuật hướng về ngôn ngữ văn chương. Lời nói hiện diện trong sử thi không phải nhiều, nhưng nó có tác dụng rất quan trọng trong việc xây dựng nội dung ý nghĩa cốt truyện và sự liên kết chặt chẽ giữa các phần nội dung tác phẩm.

Phần quan trọng và nhiều hơn trong ngôn ngữ sử thi là lời hát. Lời hát sử thi rất đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức và được nghệ nhân hát với nhiều phong cách khác nhau. Chẳng hạn: lời hát thường dùng vào việc bày tỏ suy nghĩ, nhận thức của con người hay đối đáp nhau bày tỏ ý kiến riêng cá nhân thì thường được nghệ nhân thể hiện với nhiều sắc thái cung bậc tình cảm khác nhau: vui buồn, hào hùng, sôi nổi..., chẳng hạn như lời hát ca ngợi vẻ đẹp hào hùng kỳ vĩ về cây thần, cây sinh ra linh hồn hai chị em Hơ Nhi và Hơ Bhi dưới đây:

"Cây này là cây smuk. Đây là cây linh hồn Hơ Nhi và Hơ Bhi. Cây smuk như thế này có một cây ở phía đông nhà Hơ Nhi, Hơ Bhi và còn có một cây ở phía tây hiên nhà. Ấy là cây sinh ra Hơ Nhi, Hơ Bhi. Rễ nó đâm xuống tận âm ti. Thân cây từ suối đất mọc lên tán cây rất rậm rạp. Chẳng có cây nào rất rậm cành rậm lá như cây này. Phải một năm đi mới khắp vòng gốc nó. Phải một tháng mới trèo lên cuối cành nó. Lá dài bằng một sải chân ngựa. Gốc cây ăn sâu xuống tận âm ti. Thân cây cao vút tận trời. Chẳng có cây gì cao bằng nó. Thật là cây quý cây sống đời đời. Trời đã trông ra nó và vun gốc cho nó. Nó lớn lên chừng nào là nứt đất mà lên. Cây rậm lá nhiều mà biết uốn theo gió rồi lại đứng thẳng lên, không bao giờ gãy. Cây này quả thật là cây thần."

Lời hát dùng để biểu sự tiếc thương người đã khuất thì có tính chất kể lể, buồn bã, đau xót... như lời hát than của Hơ Nhi khóc Đam San:

"O anh ! Anh như cây đa to lớn. Không có chỗ nào có người tù trưởng oanh liệt như anh. Từ vùng người Bih đến vùng người M'Nông không có ai như anh. Tôi cứ tưởng anh chết thì có tạc tượng, có nhà mồ và có hòm quách làm cả năm thế mà bây giờ anh lại chết trong rừng sập đen.

Mẹ dặn anh không nghe. Cha dạy anh không nhớ. Anh chơi bời cho đến thiệt thân anh. Từ nay anh sẽ không ăn cơm, sẽ không uống nước, anh không còn ăn thịt bò, thịt trâu. Cơm tôi khô trong đĩa. Gà rán trong mâm khô dần như một con điều gầy, chỉ vì anh bị lún ngập trong đất lỏng rừng đen."

Ngoài ra, lời hát trong sử thi còn dùng vào việc đối thoại với thần linh hoặc đê cúng thần linh. Lời hát ở đây được thể hiện với sắc thái trang trọng, vừa *hur* vừa *thực* mang màu sắc huyền ảo:

"Hỡi các vị thần linh trên thế gian này ! Ta cho chim nghiêng đến gọi, chim kráo đến kêu, chim cú đến mời và ta cho bầy chim blê đến báo cho người. Nếu các anh Đam Di trợn vện về sức khỏe thì bằng một tiếng gọi, ta gọi bến nước ăn phải gào thét, cổng làng phải lỏng những then cài."

Trường hợp này lời hát ở đây có sự kết hợp hài hòa giữa cái yếu tố thần kỳ của siêu nhiên và yếu tố hiện thực cụ thể của đời sống hằng ngày. Nội dung ý nghĩa ấy đã bổ sung cho lời hát tuy có giai điệu đơn giản, nghèo nàn, nhịp điệu chưa chặt chẽ, thể thức bài hát chưa thật rõ ràng, nhưng hẳn đây lại là một loại hát mang tính cộng đồng cao của thời kỳ xã hội tiền giai cấp. Vì thế hát kể sử thi từ lâu đã là một món ăn tinh thần hấp dẫn không thể thiếu được trong đời sống văn hóa tinh thần của các dân tộc Tây Nguyên.

Tóm lại, theo chúng tôi nghĩ sự kết hợp giữa hai hình thức nói và hát trong quá trình biểu diễn sử thi làm cho ngôn ngữ của thể loại văn hóa dân gian độc đáo này mang đặc tính của kịch.

Một điểm khác cũng làm nên tính kịch cho ngôn ngữ sử thi là sự hỗ trợ bằng hành động diễn xuất của nghệ nhân. Họ là người không chỉ được trời cho "*cái môi cái miệng*" để thuộc và hát hay nhiều sử thi khác nhau, mà trong quá trình hát kể họ có khả năng nhập vai một cách mạnh mẽ, họ giơ tay hoặc đi đi lại lại làm điệu bộ để diễn tả hành động của nhân vật trong truyện. Điều đó làm cho lời hát, lời nói của sử thi sinh động hẳn lên có tác dụng rất lớn trong việc khắc họa tính cách nhân vật và tác động mạnh mẽ đến người nghe và xem biểu diễn sử thi. Có thể nói người **hát kể** sử thi giống như một diễn viên kịch trên sân khấu.

Sự kết hợp ngôn ngữ hát, ngôn ngữ nói cùng với hành động diễn xuất rất phong phú và đa dạng trong quá trình biểu diễn sử thi của nghệ nhân rất gần với những gì của nghệ sĩ sân khấu kịch. Tuy nhiên vẻ đẹp ngôn ngữ và hành động diễn xuất của nghệ nhân sử thi còn hồn nhiên, giản dị, mộc mạc, mang tính cộng đồng tập thể chứ chưa phải là diễn viên kịch chuyên nghiệp.

Đặc biệt quan trọng của tính kịch trong ngôn ngữ Sử thi Tây Nguyên là sự hiện diện phong phú của ngôn ngữ đối thoại tạo ra nhiều tình huống mâu thuẫn gay gắt với nhiều nội dung xung đột. Hầu hết ngôn ngữ sử thi đều là ngôn ngữ ở dạng thức lời đối thoại giữa các nhân vật trong tác phẩm và những lời đối thoại ấy có khi tựa như những lời đối thoại giữa các nhân vật sân khấu, ngắn gọn, súc tích ý nghĩa, chẳng hạn chúng ta hãy nghe những lời đối thoại giữa Motao Grur và tôi tớ của ông ta khi họ bàn về vẻ đẹp của Hơ Nhi:

Motao Grur: Thế nào ? Các con có thấy bà Hơ Nhi không? Có thật là bà ấy đẹp không?

Tôi tớ : Sao chẳng đẹp ? Thật như ánh sáng mặt trời. Thật là một bầu trời nhấp nháy đầy sao. Ngón tay bà ấy thon thon như lông nhím.

Motao Grur: Thế so sánh với bà vợ thái thuốc lá cho ta thì thế nào?

Tôi tớ: Hơ Nhi đẹp hơn nhiều.

Motao Grur: Thế so với bà vợ tem trâu cho ta ?

Tôi tớ : Hơ Nhi đẹp hơn nhiều.

Motao Grur: Thế so với bà vợ chính của ta.

Tôi tớ: Hơ Nhi đẹp hơn nhiều.

Motao Grur: Vậy các con mau đi bắt voi về đây cho ta.

Nhưng thường gặp hơn vẫn là những lời đối thoại có tính tự sự, mang nội dung kể chuyện. Những lời đối thoại kiểu này thường cấu trúc dài hơn để phù hợp với nội dung kể chuyện. Đây là đặc điểm cơ bản để nhận diện tính kịch của ngôn ngữ sử thi và phân biệt ngôn ngữ sử thi với ngôn ngữ các tác phẩm tự sự dân gian khác trong nền văn hóa dân gian Êđê. Chẳng hạn lời đối thoại mang tính tự sự của Đam San nói với tôi tớ và anh em trong nhà để chuẩn bị đi đến nhà Mơ Tao Grur:

"Hỡi các con, ta làm gì bây giờ ? Phải lấy rượu, thui bò làm lễ cầu sự giúp đỡ của thần linh. Hãy đưa ra cúng chiếc chum túc và con trâu khoang mà thần linh đã cho ta trước kia. Hãy đi đào rễ cây hương để lấy ngải làm cho ta đánh thắng. Đào dưới gốc chuối chắt ngải làm cho ta bắt tử, cái chắt ngải trước đây đã giúp ông cha ta đánh thắng người ngoài núi phía tây. Hãy nôi trống Đam hu, chiếc trống thần, trời đã đưa cho ta chiếc trống mà tiếng kêu thâu tới trời, tiếng trống mà hề nghe thì người ở khu rừng phía nam đã vội vã đưa trâu đến hàng, người ở rừng phía đông dắt voi tới, người nghèo cũng mang lợn gà tới lễ.

Hỡi anh Y Su, Y Sa, Yla, Y Pui ! Các anh biết sắp xếp công việc, hãy sắp xếp đem theo dây buộc, thúng đựng. Hãy mời tới đây tất cả bà con, tất cả bộ tộc từ người H'Mông miệng rộng đến người Bih tai sề. Tập trung giáo mác và tên nỏ. Hãy gọi về tất cả dân trong vùng để cùng ta đi đánh một tướng giàu mạnh. Gọi về các tù trưởng Bih, những người đeo vòng cổ bằng răng hùm. Gọi các tù trưởng M'Nông mang vòng răng rắn gọi về hết tất cả những người phía đông cũng như phía tây. Các con! Tôi tớ của ta ! Hãy theo ta đi đánh một trận to."

Trong ngôn ngữ đối thoại, người ta cũng đã vận dụng tất cả mọi khả năng vốn có quen thuộc và ưa dùng như nghệ thuật tương phản, đối lập, cường điệu, ngoa dụ, phóng dụ, thần thánh hóa .v.v... để xây dựng những tình huống mâu thuẫn và nội dung xung đột cho tác phẩm sử thi. Chẳng hạn, chúng ta hãy theo dõi những lời đối thoại trực tiếp giữa Đam San và Trời, mà sự phát triển các mâu thuẫn và xung đột của nó mỗi lúc một thêm gay gắt qua một đoạn sử thi Êđê:

Trời - Cháu đến làm gì đây sớm vậy?

Đam San - Tôi đi bắt voi, và voi chở tôi đến dưới cây đa này rồi không chịu đi nữa. Thúc sang phía đông voi cũng không chịu đi. Thúc sang phía tây voi cũng không chịu đi. Tôi nhìn lên cây thấy hai cụm hoa, thọc mãi không được. Tôi đến nhờ trời lấy cho tôi.

Trời - Con lấy làm sao được hai cụm hoa ấy, đó là hoa của Hơ Nhi và hoa của Hơ Bhi. Con chịu ở với Hơ Nhi và Hơ Bhi thì ta sẽ cho con hai cụm hoa ấy.

Đam San - Chết thì thôi, Hơ Nhi con không lấy, Hơ Bhi con không lấy.

Trời - Làm sao lại không lấy Hơ Nhi, Hơ Nhi, nếu con muốn chân không phải đi xuống đất, nếu con không muốn có nhiều tôi tớ, nhiều voi.

Trong lúc ấy ở nhà, Hơ Bhi nói: "Này chi Hơ Nhi! Tại sao anh Đam San ta đi lâu quá? Hay là voi giẫm chết rồi? Chúng ta đi tìm anh ấy đi!". Rồi hai người theo vết chân voi đi đến dưới gốc cây đa, thấy hai cụm hoa ngò dưới gốc cây đa đợi.

Trời - (nói với Đam San)- Kia vợ con đã đến kia kìa!

Đam San - Đâu phải vợ con! Thà con chết còn hơn là bắt con phải lấy Hơ Nhi, Hơ Nhi!

Trời - Có thật vậy không?

Đam San - Thật vậy.

Trời liền lấy ống điều gõ vào đầu Đam San và Đam San chết lịm. Một chốc sau Trời lại cho Đam San hồi sống lại.

Trời- Con đã chịu lấy Hơ Nhi, Hơ Nhi chưa?

Đam San- Con nhất định không chịu lấy đâu.

Trời gõ bảy lần, bảy lần Đam San chết lịm, rồi trời cho sống lại. Đến lần thứ bảy, Trời hỏi: "Bây giờ con đã chịu lấy chưa?"

Tính kịch được thể hiện khá rõ qua đoạn văn: các mâu thuẫn và xung đột phát triển dần, một bên là Trời bắt Đam San phải lấy Hơ Nhi, Hơ Bhi và một bên là Đam San cương quyết từ chối ý của Trời: lần đầu: việc Đam San muốn lấy hoa (là hiện thân cho linh hồn của Hơ Nhi, Hơ Bhi) mà Trời chưa cho lấy; lần thứ hai mâu thuẫn lớn hơn: Trời bảo Đam San lấy Hơ Nhi, Hơ Bhi mà Đam San không nghe theo; lần thứ ba mâu thuẫn càng lớn hơn gấp nhiều lần: Trời đánh cho Đam San chết đi sống lại buộc Đam San phải lấy Hơ Nhi, Hơ Bhi mà Đam San vẫn cương quyết không thay đổi ý định của mình.

Như vậy, biện pháp nghệ thuật đối lập trong ngôn ngữ đối thoại đã làm cho đoạn văn mang tính kịch khá rõ thể hiện một cách sinh động tinh thần dũng cảm chống lại tập tục nối dây của người anh hùng Đam San.

KẾT LUẬN

Tây Nguyên là một khu vực rộng lớn nằm ở phía tây Tổ quốc là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc anh em, ở đây đã có một nền văn hóa lâu đời, trong đó có sử thi. Đó là một thể loại văn học phát triển khá là mạnh mẽ được coi là những áng văn chương dân gian đặc sắc của cả dân tộc phản ánh cuộc sống lao động và chiến đấu của người dân Tây Nguyên trong buổi bình minh của lịch sử. Sử thi Tây Nguyên - Việt Nam là một vùng sử thi không chỉ thể hiện nội dung phong phú, được biểu lộ qua những giá trị đặc sắc về nghệ thuật sử dụng ngôn từ.

Bản chất nghệ thuật ngôn ngữ còn hồn nhiên, mộc mạc xen lẫn với quan niệm "vạn vật hữu linh" của con người Tây Nguyên đã làm cho ngôn ngữ sử thi có một phong cách riêng biệt, hấp dẫn mà từ lâu nay vẫn được đánh giá là sản phẩm nghệ thuật vô giá của nền văn học nước nhà.

Ngôn ngữ sử thi là ngôn ngữ văn học có những đặc điểm độc đáo làm nên những giá trị thẩm mỹ riêng. Đây là ngôn ngữ mà hình thức biểu hiện của nó là sự kết hợp chặt chẽ giữa lời hát, lời nói và hành động biểu diễn, tức là hoạt động hát kể. Còn nếu xét về phương thức biểu hiện thì đây là một thứ ngôn ngữ giàu hình

ảnh, hình tượng với nhiều biện pháp tu từ khá là đặc biệt, tất cả tạo nên một vẻ đẹp của sự cân xứng, hài hòa về ngữ âm, về ý nghĩa về ngữ pháp và về hình thức bố cục...

Ngôn ngữ sử thi vừa gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày trong cuộc sống của mọi người, nhưng cũng vừa là thứ ngôn ngữ mang tính chất của thơ ca, của nhạc và của kịch. Những giá trị về mặt hình thức ngôn ngữ được lồng với những giá trị về nội dung làm cho Sử thi Tây Nguyên có sức trường tồn khiến người nghe, người đọc luôn luôn say sưa trong thế giới vừa thực vừa ảo, tràn đầy những mơ ước và khát vọng của các dân tộc Tây Nguyên thời kỳ cổ xưa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- Cù Đình Tú, 1983, *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, NXB ĐH&THCN
- Đinh Trọng Lạc, 2001, *Phong cách học Tiếng Việt* (tái bản lần thứ 5), NXB GD
- Đinh Gia Khánh (Chủ biên)... 1998, *Văn học dân gian Việt Nam* (in lần thứ 3), NXB GD
- Ngô Đức Thịnh (Chủ biên)..., 1995, *Văn hóa dân gian Êđê* (in lần thứ 2), NXB SỞ VH&TT ĐẮK LẮK
- Đỗ Hồng Kỳ, 2001, *Những khía cạnh văn hóa dân gian M'Nông*, NXB VHDT
- Đào Thản, 1998, *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*, NXB KHXH
- Bùi Khánh Thế, 1995, *Tiếng M'Nông - ngữ pháp ứng dụng*, Trường ĐHTH TP Hồ Chí Minh
- Ngô Văn Lệ (Chủ biên)..., 1997, *Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB GD
- Lê Mai, 1975, *Trường ca Tây Nguyên*, NXB GD Hà Nội
- Trần Đình Sử (Chủ biên)..., 1987, *Lý luận văn học* (tập 2), NXB GD
- Phan Thị Đào, 2001, *Tìm hiểu thi pháp tục ngữ Việt Nam*, NXB Thuận Hóa
- Trần Ngọc Thêm, 1997, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt nam*, NXB TP HCM
- Viện Văn học, 2002, *Tổng tập văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam*, NXB Đà Nẵng
- Trương Thông Tuần, 2005, *Dân ca và lời nói văn M'nông*, Sở VH&TT tỉnh ĐẮK NÔNG
- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2006, *Kho tàng sử thi Tây Nguyên*, NXB KHXH

